

Số: **53/2026/KDTM - PT**

Ngày: 06 tháng 04 năm 2026

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng Bảo hiểm.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bích Hạnh

- ***Các Thẩm phán:*** - Ông Nguyễn Đức Lập

- Ông Trần Anh Tuấn

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:*** Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2026, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2026/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm*”. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 124/2025/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐPT - KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2900859581, do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/12/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 7, ngõ 61A1, đường Duy Tân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Duy Tân – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Thành (Sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 040082014428 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/3/2022); Bà Phùng Thị Kim Hoa (Sinh năm 1968; Căn cước công dân số: 040168004961). Cùng địa chỉ liên hệ: số 7, ngõ 61A1, đường Duy Tân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo Giấy ủy quyền số 06/UQ-EDCNA ngày 02/4/2025.

(Ông Tân vắng mặt, ông Thành và bà Hoa có mặt)

- **Bị đơn:** Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (tên viết tắt: “P”)

Giấy phép thành lập và hoạt động của Bộ Tài chính số 67GP/KDBH cấp ngày 26/10/2011; Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC01/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 25/3/2013; Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC11/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 12/7/2019; Mã số doanh nghiệp: *****.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa M, số A phố S, phường K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh A6 – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: (1) Ông Bùi Phi A1 (Sinh năm 1997; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/6/2021); (2) Ông Trần Ngọc A2 (Sinh năm: 1990; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/02/2023); (3) Bà Trần Hồng A3 (Sinh năm 1997; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/5/2022); Cùng địa chỉ: Tòa M, số A phố S, phường K, thành phố Hà Nội; (4) Bà Phạm Thị Hồng A4; sinh năm 1983; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/6/2021); (5) Bà Nguyễn Thị Thanh A5; sinh năm: 1982; Căn cước công dân số: ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021); Cùng địa chỉ: Tòa T, KĐT N, phường Y, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền số 118/GUQ-TGD ngày 17/3/2026.

(Ông A1 và bà A4 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2025, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An do đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:**

Ngày 19/10/2022, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An đã tham gia bảo hiểm và ký Hợp đồng bảo hiểm số P - 22/NAN/NV1/3111; 3206/000010; 000009 và Giấy chứng nhận bảo hiểm số P – 22/NAN/NV1/3111/000 010 với Công ty Bảo hiểm P Nghệ An (Chi nhánh của bị đơn) về việc bảo hiểm mọi rủi ro về tài sản bao gồm cháy nổ bắt buộc và công trình xây dựng hoàn thành – Nhà máy thủy điện Nậm Mô, với một số thông tin chính như sau: Người được bảo hiểm: Công ty cổ phần Tổng Công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An; Đối tượng được bảo hiểm: Nhà máy thủy điện Nậm Mô; Địa điểm được bảo hiểm: xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An; Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng kể từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/10/2023. Số tiền bảo hiểm: 152.349.162.382 đồng (Một trăm năm mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám hai đồng).

Tại Hợp đồng bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111; 3206/000010; 000009 ngày 19/10/2022 và Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111/000010 ngày 19/10/2022 không có nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và khi Công ty cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An mua bảo hiểm cũng không được bị đơn giải thích về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm này. Bị

đơn cũng không cung cấp cho nguyên đơn bản quy tắc bảo hiểm nào.

Vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023, tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô xuất hiện sự cố hệ thống điều khiển trung tâm LCU bị lỗi, Tổ máy 01 không điều khiển được dẫn đến bơm dầu tuần hoàn cho các ổ trục cũng mất tín hiệu điều khiển làm mất bôi trơn và cháy các ổ trục và bạc ổ hướng tuabin, ổ hướng máy phát, ổ đỡ chặn trước và sau, nhiệt độ các bạc 116 đến 124 độ C phải dừng Tổ máy 01 không phát điện được. Nguyên đơn đã gửi Công văn thông báo tới P Nghệ An về tổn thất nêu trên và yêu cầu bị đơn bồi thường tổn thất số tiền 3.977.000.000 đồng.

Khi sự cố xảy ra, bị đơn đã cho người xuống nhà máy để kiểm tra và đánh giá nguyên nhân sự cố. Ban đầu, bị đơn hướng dẫn nguyên đơn phối hợp để giải quyết bồi thường cho nguyên đơn. Tuy nhiên, sau đó bị đơn đưa ra nguyên nhân sự cố là: “do màn hình tủ LCU 1A bị lỗi mất chương trình làm việc dẫn đến toàn bộ hệ thống thiết bị phụ trợ dừng không hoạt động, làm cho hệ thống điều khiển bơm dầu tuần hoàn không hoạt động là nguyên nhân dẫn đến sự cố mất dầu ở ổ hướng máy phát, ổ hướng tua bin, ổ bạc chặn trước, ổ bạc chặn sau, dẫn đến các thiết bị của tổ máy H1 bị hư hỏng”.

Ngày 08/7/2024, nguyên đơn đã gửi Công văn số 32/CV-EDCNA không đồng ý với kết luận nguyên nhân tổn thất mà bị đơn đưa ra do đơn vị giám định (Viện nghiên cứu Cơ khí) chưa đưa ra kết luận cụ thể về nguyên nhân tổn thất, chưa đúng bản chất của sự cố và chưa chỉ rõ nguyên nhân chính dẫn đến việc màn hình tủ LCU 1A bị lỗi mất chương trình làm việc. Do vậy, nguyên đơn không đồng ý với kết luận nguyên nhân sự cố nêu trên của Viện nghiên cứu Cơ khí – Bộ Công thương và yêu cầu bị đơn làm việc lại với Viện nghiên cứu Cơ khí để làm rõ về nguyên nhân nêu trên. Trong trường hợp Viện nghiên cứu Cơ khí không xác định được đúng nguyên nhân sự cố, thì nguyên đơn đề nghị bị đơn cần phải mời đơn vị chuyên môn có năng lực về điện và tự động hóa để vào Nhà máy thủy điện Nậm Mô kiểm tra, xác định chính xác lại nguyên nhân của sự cố nêu trên. Tuy nhiên, bị đơn không hề tiến hành thêm bất kỳ hành vi nào để xác định lại nguyên nhân tổn thất. Ngày 10/9/2024, P Nghệ An phát hành công văn số 54/NAN-CV-GĐ gửi nguyên đơn thông báo tổn thất ngày 04/10/2023 tại nhà máy thủy điện Nậm Mô không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.

Nguyên đơn xác định Công ty giám định là do bị đơn đơn phương chỉ định, mà không có thỏa thuận gì với nguyên đơn.

Từ tháng 9/2024, hiện trường vụ tổn thất đã hoàn toàn không còn, tài sản thiệt hại đã được nguyên đơn tự sửa chữa bằng chi phí của mình để đưa vào hoạt động nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án phải chỉ định cơ quan giám định lại.

Thiệt hại của sự cố nêu trên theo cơ quan giám định có giá trị là: 2.105.758.600 đồng (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm đồng).

Do việc từ chối bồi thường này của bị đơn là hoàn toàn sai trái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 2.105.758.600 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết việc gì khác.

*** Bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P do ông Bùi Phi A1 là đại diện theo ủy quyền trình bày tại cấp sơ thẩm như sau:**

Bị đơn hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng, về sự kiện bảo hiểm xảy ra. Bị đơn xác định khi ký kết hợp đồng có giải thích cho nguyên đơn biết về các điều khoản loại trừ trách nhiệm hợp đồng và có cung cấp cho nguyên đơn bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Tuy nhiên, bị đơn không lập văn bản về việc giải thích và cung cấp này. Bị đơn xác nhận nguyên đơn đã thông báo kịp thời về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm, nguyên đơn không vi phạm nghĩa vụ thông báo. Nguyên đơn có gửi Công văn không đồng ý kết luận giám định nhưng bị đơn cho rằng nguyên nhân và mức độ tổn thất đã được chuyên gia và đơn vị giám định kết luận. Do đó việc nguyên đơn không đồng ý kết luận giám định là không có căn cứ.

Bị đơn cho rằng có thỏa thuận miệng với nguyên đơn về việc chỉ định Công ty giám định nhưng có sơ suất không lập thành văn bản về việc này.

Việc nguyên đơn tự sửa chữa tài sản thiệt hại là quyền của nguyên đơn vì tài sản đó vẫn thuộc sở hữu của nguyên đơn. Do hiện trường vụ tổn thất đã hoàn toàn không còn nên bị đơn không yêu cầu Tòa án phải chỉ định cơ quan giám định lại.

Bị đơn đồng ý giá trị thiệt hại do cơ quan giám định đưa ra là 2.105.758.600 đồng (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) nhưng không đồng ý bồi thường do đây là thiệt hại thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 125/2025/KDTM-ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An đối với bị đơn là Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Buộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P phải thanh toán cho Công ty cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An số tiền 2.105.758.600 (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P kháng cáo toàn bộ Bản án KDTM sơ thẩm số 125/2025/KDTM-ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đức Thành và bà Phùng Thị Kim Hoa thống nhất trình bày như sau:

Nguyên đơn giữ nguyên phần trình bày tại cấp sơ thẩm: Ngày 19/10/2022, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An và Công ty Bảo hiểm P Nghệ An (Chi nhánh của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P) đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số: P22-NAN/NV1/3111/000010; 000009. Cùng ngày, các bên đã phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số P-22/NAN/NV1/3111/000010. Theo các tài liệu trên xác định: người được bảo hiểm là Công ty cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An; Đối tượng được bảo hiểm là: Nhà máy thủy điện Nậm Mô; Địa điểm được bảo hiểm: Xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An; Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng kể từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/10/2023; Số tiền bảo hiểm: 152.349.162.382 đồng (Một trăm năm mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám hai đồng).

Hai bên đương sự cùng xác định có sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm như sau: Vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023, tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô xuất hiện sự cố hệ thống điều khiển trung tâm LCU bị lỗi, Tổ máy 01 không điều khiển được dẫn đến bơm dầu tuần hoàn cho các ổ trục cũng mất tín hiệu điều khiển làm mất bôi trơn và cháy các ổ trục và bạc ổ hướng tuabin, ổ hướng máy phát, ổ đỡ chặn trước và sau, nhiệt độ các bạc 116 đến 124 độ C phải dừng Tổ máy 01 không phát điện được; Nguyên đơn không vi phạm nghĩa vụ thông báo sự cố bảo hiểm.

Căn cứ kết quả giám định của cơ quan giám định và sự thừa nhận của hai bên đương sự, xác định thiệt hại xảy ra tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô có giá trị là 2.105.758.600 đồng.

Về nguyên nhân tổn thất, nguyên đơn không đồng ý với kết luận giám định do cơ quan giám định chưa đưa ra kết luận cụ thể về nguyên nhân tổn thất, đó là việc kết luận giám định chưa chỉ rõ nguyên nhân chính dẫn đến việc màn hình tủ LCU 1A bị lỗi mất chương trình làm việc. Khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Trong trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm”. Mặc dù trong hợp đồng không có thỏa thuận khác, nguyên đơn không đồng ý về nguyên nhân tổn thất nhưng bị đơn vẫn không tiến hành việc giám định lại vì cho rằng nguyên nhân và mức độ tổn thất đã được chuyên gia và đơn vị giám định kết luận.

Từ tháng 9/2024, hiện trường vụ tổn thất đã hoàn toàn không còn, tài sản thiệt hại đã được nguyên đơn tự sửa chữa bằng chi phí của mình để đưa vào hoạt động – việc tự sửa chữa tài sản được xác định là quyền của nguyên đơn vì tài sản tổn thất vẫn thuộc sở hữu của nguyên đơn. Do vậy, bị đơn hoàn toàn có lỗi trong việc không thể thực hiện giám định lại tổn thất trong vụ việc.

Về quan điểm không đồng ý bồi thường của bị đơn do xác định đây là thiệt hại thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, nguyên đơn có quan điểm, như sau:

+ Khoản 2 Điều 16 quy định: “Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng”.

+ Điểm a khoản 2 Điều 17 quy định: “Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ: Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm”;

+ Khoản 1 Điều 19 quy định: “Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm”.

Điều 21 quy định: “Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm”.

Nguyên đơn không được bị đơn giải thích về các điều khoản loại trừ trách nhiệm hợp đồng và không được bị đơn cung cấp bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đã không được đính kèm trong Hợp đồng bảo hiểm, bị đơn cũng không giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm Hợp đồng. Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bị đơn đã giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm hợp đồng và có cung cấp cho nguyên đơn bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Đây là lỗi của bị đơn. Nguyên đơn cũng đã có phản ánh yêu cầu định giá lại nhưng bị đơn đã không tiến hành định giá lại, đến nay thiệt hại đã được phía nguyên đơn cho khắc phục.

Do vậy, nguyên đơn không buộc phải biết và không thể biết được các quy định loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Bị đơn từ chối bồi thường với lý do thiệt hại thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm là không phù hợp với các quy định nêu trên của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Nguyên đơn căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm nêu trên là: 2.105.758.600 đồng (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm đồng). Nguyên đơn không yêu cầu đòi tiền lãi của số tiền trên. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác bỏ toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (Sau đây được gọi tắt là: “P”) do người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Phi A1 và bà Phạm Thị Hồng A4 thống nhất trình bày yêu cầu kháng cáo như sau:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Ngày 04/11/2025, P đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án KDTM sơ thẩm số 124/2025/KDTM-ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – thành phố Hà Nội. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được giao nộp, Kết luận giám định chuyên môn và các quy định pháp luật hiện hành, P khẳng định việc kháng cáo là hoàn toàn có cơ sở cả về mặt thực tiễn lẫn pháp lý; đồng thời bị đơn cho rằng Bản án sơ thẩm đã đánh giá chưa đầy đủ bản chất kỹ

thuật của tổn thất, chưa áp dụng đúng nội dung hợp đồng bảo hiểm, dẫn đến nhận định không phù hợp về trách nhiệm bảo hiểm của P.

Thứ nhất, về phạm vi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: Tổn thất xảy ra ngày 04/10/2023 tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô thuộc trường hợp bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại điểm (v), khoản (c), Điều 1, Phần A – Các nguyên nhân loại trừ, thuộc Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 726/QĐ/TSC/TGĐ ngày 10/9/2013 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (sau đây gọi là “Quy tắc bảo hiểm”), là bộ phận không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111/000010.

Cụ thể, Quy tắc bảo hiểm quy định: *Các nguyên tắc loại trừ.*

Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho: Thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm gây ra bởi: Hư hỏng hay trục trặc về điện hoặc cơ của máy móc hoặc thiết bị trừ khi: Thiệt hại xảy ra tiếp theo đó do một nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm này gây ra, và trong trường hợp như vậy P chỉ chịu trách nhiệm đối với thiệt hại kế tiếp theo đó; Tổn thất phát sinh trực tiếp từ thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm hoặc đối với tòa nhà hay khu vực chứa tài sản được bảo hiểm do một nguyên nhân không bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm này gây ra.

Căn cứ Kết luận giám định của đơn vị giám định độc lập (NORIHN), nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tổn thất là lỗi hệ thống điều khiển (LCU) – cụ thể là lỗi phần mềm/mất chương trình điều khiển, dẫn đến việc hệ thống bơm dầu tuần hoàn không hoạt động, gây mất bôi trơn và làm hư hỏng các ổ trục, bạc và các bộ phận liên quan của tổ máy. Như vậy, nguyên nhân tổn thất được xác định là hư hỏng/trục trặc về điện – điện tử của thiết bị, thuộc đúng trường hợp loại trừ nêu tại điểm (v), khoản (c), Điều 1, Phần A của Quy tắc bảo hiểm.

Theo quy tắc bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đã được diễn đạt khá cụ thể, xác định rõ đối tượng loại trừ là thiệt hại do “hư hỏng hay trục trặc về điện hoặc cơ của máy móc hoặc thiết bị”. Xét về ngôn ngữ thông thường cũng như xét theo bản chất kỹ thuật của vụ tổn thất, không có sự mơ hồ đáng kể nào trong nội dung điều khoản để phải vận dụng nguyên tắc giải thích bất lợi cho bên soạn thảo. Ngược lại, việc cố gắng tách lỗi điều khiển LCU ra khỏi hậu quả hư hỏng cơ/điện để cho rằng tổn thất vẫn thuộc phạm vi bảo hiểm mới chính là cách diễn giải gượng ép, trái với logic vận hành của hệ thống thiết bị và trái với cấu trúc của chính điều khoản loại trừ.

Thứ hai, về việc không áp dụng các ngoại lệ của điều khoản loại trừ: P nhận thấy rằng vụ tổn thất này không thuộc các trường hợp ngoại lệ được quy định tại điểm (i) và (ii) điểm (v), khoản (c), Điều 1, Phần A – Các nguyên nhân loại trừ nêu trên, cụ thể: Không có căn cứ cho thấy có một nguyên nhân độc lập, không bị loại trừ xảy ra trước hoặc đồng thời gây ra tổn thất. Toàn bộ chuỗi sự cố và thiệt hại phát sinh đều bắt nguồn trực tiếp từ lỗi nội tại của hệ thống điều khiển LCU, không phải do một rủi ro bên ngoài hoặc sự kiện bất ngờ khác thuộc phạm vi bảo hiểm. Do đó, không phát sinh trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ phần thiệt hại nào theo cơ chế “thiệt hại kế tiếp” quy định tại ngoại lệ (i), (ii).

Thứ ba, về việc áp dụng đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm: P đã tiến hành rà soát toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các điều khoản chính, điều khoản bổ sung, sửa đổi (nếu có). Kết quả cho thấy: Không có điều khoản mở rộng nào được thỏa thuận giữa các bên nhằm loại trừ hiệu lực của điều khoản loại trừ nêu trên. Không có thỏa thuận bổ sung bảo hiểm đối với rủi ro hỏng hóc cơ khí, điện, điện tử hoặc lỗi hệ thống điều khiển. Do đó, việc áp dụng điều khoản loại trừ là hoàn toàn phù hợp với nội dung hợp đồng đã giao kết.

Thứ tư, về nghĩa vụ chứng minh và căn cứ từ chối bồi thường: Căn cứ theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền từ chối bồi thường trong trường hợp tổn thất thuộc phạm vi loại trừ đã được quy định rõ ràng trong hợp đồng bảo hiểm. Trong vụ việc này, P đã: (i) Thực hiện giám định độc lập thông qua đơn vị chuyên môn; (ii) Xác định rõ nguyên nhân tổn thất; và (iii) Đối chiếu với điều khoản loại trừ cụ thể trong Quy tắc bảo hiểm. Vì vậy, việc P từ chối bồi thường là có căn cứ pháp lý và phù hợp với thỏa thuận giữa các bên.

Về nghĩa vụ chứng minh, theo quy định của pháp luật, đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; nếu không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ. Trong vụ án này, EDCNA là bên khởi kiện yêu cầu P bồi thường nên trước hết EDCNA phải chứng minh được rằng tổn thất của mình thuộc phạm vi bảo hiểm và không rơi vào trường hợp loại trừ. Chỉ khi cung cấp được các tài liệu này thì mới có thể ràng buộc trách nhiệm bồi thường của P.

Trong khi đó, P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh đối với căn cứ từ chối bồi thường của mình, thể hiện qua việc tổ chức giám định độc lập, xác định nguyên nhân tổn thất bằng tài liệu kỹ thuật chuyên môn, đối chiếu trực tiếp nguyên nhân đó với điều khoản loại trừ cụ thể trong Quy tắc bảo hiểm. Trái lại, Nguyên đơn chưa chứng minh được sự hiện diện của một nguyên nhân độc lập không bị loại trừ, cũng chưa chứng minh được sự tồn tại của bất kỳ thỏa thuận mở rộng phạm vi bảo hiểm nào làm vô hiệu hoặc hạn chế điều khoản loại trừ đang được áp dụng. Vì vậy, nếu buộc P bồi thường trong bối cảnh chứng cứ như vậy, bản án sẽ làm đảo ngược nguyên tắc chứng minh trong tố tụng dân sự và đặt doanh nghiệp bảo hiểm vào vị thế phải gánh trách nhiệm cho cả những rủi ro mà hợp đồng không bảo hiểm.

Từ toàn bộ các phân tích nêu trên, P khẳng định: (i) nguyên nhân trực tiếp, chi phối và khởi phát tổn thất ngày 04/10/2023 là lỗi nội tại của hệ thống điều khiển LCU; (ii) nguyên nhân này thuộc đúng trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản áp dụng cho hợp đồng; (iii) không có căn cứ chứng minh sự tồn tại của một nguyên nhân độc lập, không bị loại trừ, để làm phát sinh trách nhiệm bồi thường theo cơ chế ngoại lệ; (iv) không có thỏa thuận mở rộng phạm vi bảo hiểm đối với rủi ro hư hỏng cơ khí, điện, điện tử hoặc lỗi hệ thống điều khiển; và (v) việc P từ chối bồi thường là đúng hợp đồng, đúng bản chất nghiệp vụ bảo hiểm và phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 cũng như nguyên tắc chứng minh trong tố tụng dân sự.

P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của P, sửa Bản án sơ thẩm số 124/2025/KDTM-ST ngày 31/10/2025 theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn xác nhận: Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đã được đính kèm trong Hợp đồng bảo hiểm. Bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bị đơn đã giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm hợp đồng và có cung cấp cho nguyên đơn bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Bị đơn cũng không thể khẳng định lỗi nội tại của hệ thống điều khiển LCU gây ra tổn thất ngày 10/4/2023 là do cơ hay do điện. Bị đơn có thỏa thuận miệng với nguyên đơn về việc chỉ định Công ty giám định nhưng có sơ suất không lập thành văn bản về việc này.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác và không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu:**

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P; Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 125/2025/KDTM - ST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

- Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An (Sau đây được gọi tắt là: “*Công ty Năng Lượng Nghệ An*”) khởi kiện: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (Sau đây được gọi tắt là: “*P*”) vì đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết ngày 19/10/2022 giữa hai doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là: “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” theo điều 5, 7 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là đúng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (P) có trụ sở tại quận Đ, thành phố Hà Nội (Nay là phường K, thành phố Hà Nội) nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 –

Hà Nội) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.2 Về thủ tục kháng cáo: Xét thấy Đơn kháng cáo của bị đơn P có nội dung phù hợp với Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, được gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ các Điều 273 và 276 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định kháng cáo của P là hợp lệ nên đơn kháng cáo được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

1.3 Về phạm vi giải quyết phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm có kháng cáo.

[III]. Về yêu cầu kháng cáo:

2.1. Đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1.1 Xét nội dung và hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm số P - 22/NAN/NV1/31

11; 3206/000010; 000009 ngày 19/10/2022 và Giấy chứng nhận bảo hiểm số P - 22/NAN/NV1/3111/000010 ngày 19/10/2022:

Hợp đồng bảo hiểm số P - 22/NAN/NV1/3111; 3206/000010; 000009 ngày 19/10/2022 (Sau đây được gọi tắt là: “Hợp đồng 09”).

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự xác nhận: Ngày 19/10/2022, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An và Công ty Bảo hiểm P Nghệ An (Chi nhánh của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P) đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số: P22-NAN/NV1/3111/000010; 000009. Cùng ngày 19/10/2022, Công ty Bảo hiểm P Nghệ An đã phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số P -22/NAN/NV1/31

11/000010, có nội dung: Người được bảo hiểm là: Công ty cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An; Đối tượng được bảo hiểm là: Nhà máy thủy điện Nậm Mô; Địa điểm được bảo hiểm: Xã Tà Cạ, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An; Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng kể từ ngày 19/10/2022 đến ngày 19/10/2023; Số tiền bảo hiểm: 152.349.162.382 đồng (Một trăm năm mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm tám hai đồng). Các bên đương sự xác nhận nội dung và quá trình ký kết hợp đồng bảo hiểm. Nguyên đơn đã nộp phí bảo hiểm và đã được bị đơn cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro tài sản bao gồm bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số P -22/NAN/NV1/3111/000010 ngày 19/10/2022.

Xét Hợp đồng bảo hiểm số P - 22/NAN/NV1/3111; 3206/000010; 000009 ngày 19/10/2022 và Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111/000010 ngày 19/10/2022 được ký giữa Công ty Năng lượng Nghệ An với P có nội dung tự nguyện và hình thức phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm ký kết và có giá trị thi hành đối với các bên.

Hai bên đương sự cùng xác định có sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm: Sự kiện bảo hiểm đã xảy ra vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023, tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô xuất hiện sự cố hệ thống điều khiển trung tâm LCU bị

lỗi, Tổ máy 01 không điều khiển được dẫn đến bơm dầu tuần hoàn cho các ổ trục cũng mất tín hiệu điều khiển làm mất bôi trơn và cháy các ổ trục và bạc ổ hướng tuabin, ổ hướng máy phát, ổ đỡ chặn trước và sau, nhiệt độ các bạc 116 đến 124 độ C phải dừng Tổ máy 01 không phát điện được; Nguyên đơn đã thực hiện thông báo sự cố bảo hiểm theo đúng quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Căn cứ Kết quả giám định của Công ty Cổ phần Giám định Phương Bắc Hà Nội (Sau đây được viết tắt là: “NORIHN”) là cơ quan thực hiện giám định sự kiện bảo hiểm và sự thừa nhận của hai bên đương sự, xác định thiệt hại xảy ra tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô có giá trị là 2.105.758.600 đồng (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) như Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 125/2025/KDTM - ST ngày 31/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội đã tuyên là đúng.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về các tình tiết không phải chứng minh khi các đương sự đều thừa nhận. Mặt khác, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại do sự kiện bảo hiểm xảy ra vào ra vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023, tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô theo Hợp đồng bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111; 3206/000010; 000009 ngày 19/10/2022 và Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/NAN/NV1/3111/000010 ngày 19/10/2022 xác định thiệt hại xảy ra tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô có giá trị là 2.105.758.600 đồng (Hai tỷ, một trăm linh năm triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày có thỏa thuận với nguyên đơn về việc lựa chọn Công ty giám định là Công ty Cổ phần Giám định Phương Bắc Hà Nội (Sau đây được viết tắt là: “NORIHN”) là cơ quan thực hiện giám định sự kiện bảo hiểm nhưng không cung cấp được văn bản thỏa thuận. Bị đơn cũng thừa nhận trong Hợp đồng bảo hiểm đã không đưa cụ thể các trường hợp miễn trừ bảo hiểm và không lập văn bản về việc đã giải thích về nội dung Hợp đồng bảo hiểm. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc có giao cho nguyên đơn Quy tắc bảo hiểm rủi ro tài sản theo Quyết định 726 ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Tổng công ty P (Căn cứ để hai bên ký Hợp đồng bảo hiểm). Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản đã được đính kèm trong Hợp đồng bảo hiểm. Bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bị đơn đã giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và có cung cấp cho nguyên đơn bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Bị đơn cũng không thể khẳng định lỗi nội tại của hệ thống điều khiển LCU gây ra tổn thất ngày 10/4/2023 là do cơ hay do điện. Như vậy, xác định bị đơn có lỗi trong quá trình ký kết và hướng dẫn giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

2.1.2 Nghĩa vụ bảo hiểm:

- Phạm vi bảo hiểm: Các tổn thất thiệt hại vật chất bất ngờ, ngẫu nhiên không lường trước được gây ra bởi những rủi ro không bị loại trừ được quy định tại Nghị định 97/2021, Nghị định 23/2018 và Quy tắc 726/10.9.2013 của P và các điều khoản bổ sung đính kèm hợp đồng.

- Rủi ro được bảo hiểm: Bảo hiểm mọi rủi ro (đã bao gồm rủi ro cháy nổ)

- Tài sản được bảo hiểm: Nhà máy thủy điện Nậm Mô.

- Công ty năng lượng Nghệ An đã nộp đầy đủ số tiền phí bảo hiểm. Do vậy, Nhà máy thủy điện Nậm Mô là đối tượng được bảo hiểm, theo Hợp đồng bảo hiểm các bên đã ký, trách nhiệm bảo hiểm của bị đơn đã phát sinh đối với nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Sự kiện xảy ra vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023 (trong thời hạn bảo hiểm): Tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô xuất hiện sự cố hệ thống điều khiển trung tâm LCU bị lỗi, Tổ máy 01 không điều khiển được dẫn đến bơm dầu tuần hoàn cho các ổ trục cũng mất tín hiệu điều khiển làm mất bôi trơn và cháy các ổ trục và bạc ổ hướng tuabin, ổ hướng máy phát, ổ đỡ chặn trước và sau, nhiệt độ các bạc 116 đến 124 độ C phải dừng Tổ máy 01 không phát điện được. Như vậy, nguyên đơn không vi phạm nghĩa vụ thông báo sự cố bảo hiểm.

2.1.3 Về giám định thiệt hại và đơn vị giám định thiệt hại:

Công ty Cổ phần Giám định Phương Bắc Hà Nội (NORIHN) là đơn vị giám định tổn thất tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô. Kết quả giám định của cơ quan giám định và sự thừa nhận của hai bên đương sự, xác định thiệt hại xảy ra tại Nhà máy thủy điện Nậm Mô có giá trị là: **2.105.758.600 đồng**. NORIHN xác định nguyên nhân tổn thất: “do màn hình LCU 1A bị lỗi mất chương trình làm việc dẫn đến toàn bộ hệ thống thiết bị phụ trợ dừng không hoạt động, làm cho hệ thống điều khiển bơm dầu tuần hoàn không hoạt động là nguyên nhân dẫn đến sự cố mất dầu ở ổ hướng máy phát, ổ hướng tua bin, ổ bạc chặn trước, ổ bạc chặn sau, dẫn đến các thiết bị của tổ máy H1 hư hỏng”. Kết luận giám định xác định sự cố xảy ra ngày 4/10/2023 không thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng 09.

Như vậy, tại thời điểm nhận được Kết luận giám định do NORIHN giám định (thông qua P), Công ty Năng lượng Nghệ An không đồng ý với kết luận giám định cho rằng cơ quan giám định chưa đưa ra kết luận cụ thể về nguyên nhân tổn thất và đã có văn bản yêu cầu phía P thực hiện giám định lại.

Căn cứ Điều 6.2 Hợp đồng 09 quy định trách nhiệm của bên B: Bên B có trách nhiệm giám định và bồi thường thiệt hại cho bên A theo quy định của Nghị định 23/2018, Nghị định 97/2021 sửa đổi bổ sung Nghị định 23; Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản và quy tắc bảo hiểm công trình xây dựng hoàn thành”.

Theo Khoản 2 Điều 53 Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định: “Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể thỏa thuận thuê giám định viên độc lập, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc thuê giám định viên độc lập thì một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hoặc Trọng tài trung cầu giám định viên độc lập. Kết luận của giám định viên độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên”.

Công ty Năng lượng Nghệ An không đồng ý với Kết luận giám định của NORIHN cho rằng NORIHN chưa đưa ra kết luận cụ thể về nguyên nhân tổn thất, Kết luận giám định chưa chỉ rõ nguyên nhân chính dẫn đến việc màn hình tử LCU 1A bị lỗi mất chương trình làm việc thì có thể tự mình trung cầu giám định viên độc lập.

Tuy nhiên, Công ty Năng lượng Nghệ An không thực hiện quyền của mình. Cho đến tháng 9/2024, hiện trường vụ tổn thất đã hoàn toàn không còn, nguyên đơn đã tự sửa chữa, khắc phục tài sản bị hỏng. Tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự đều đề nghị không giám định lại.

2.1.4 Về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn đối với bị đơn:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất Kết luận giám định về số tiền thiệt hại.

Bị đơn không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn và nêu căn cứ không bồi thường do xác định đây là thiệt hại thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại điểm v điều 1 phần A: Các nguyên nhân loại trừ tại Quyết định 726:

A. Quy tắc bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho:

(v) hư hỏng hay trục trặc về điện hoặc cơ của máy móc hoặc thiết bị

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho bị đơn không giải thích được hư hỏng/trục trặc của tủ LCU1A (tủ điều khiển) là trục trặc về điện hay cơ của máy móc.

Tại Báo cáo giám định thể hiện: “Kiểm tra sổ nhật ký bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị tổ máy, ghi nhận phía người được bảo hiểm đã thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng thường xuyên theo quy định” và “dựa trên các thông số trước khi xảy ra sự cố tổ máy H1 hoạt động bình thường” và “tại thời điểm kiểm tra, bộ nguồn tủ điều khiển LCU 1A ngoại quan có tình trạng bình thường, không có dấu hiệu va đập tác động lực từ bên ngoài. Tiến hành lắp đặt lại bộ nguồn tủ điều khiển LCU 1A bị hư hỏng để kiểm tra thì các đèn báo nguồn vẫn hiển thị sáng, tuy nhiên các thiết bị tại tủ điều khiển xuất hiện cảnh báo lỗi”.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ loại trừ các lỗi do cố ý, chập mạch hoặc hao mòn thiết bị.

2.1.5 Các điều khoản loại trừ:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 19 Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: “Trường hợp có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm *phải quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm*, phải giải thích rõ ràng, đầy đủ và có *bằng chứng xác nhận* việc bên mua bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm *giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này* khi giao kết hợp đồng bảo hiểm”.

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Kinh doanh Bảo hiểm quy định Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm: “Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, *điều khoản loại trừ trách nhiệm* bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết Hợp đồng Bảo hiểm”;

Nhận thấy, trong Hợp đồng bảo hiểm 09, tại điều 5.2 có nêu danh sách một số điều khoản loại trừ, trong đó mục 23 “điều khoản loại trừ đường dây truyền tải và phân phối điện, thông tin liên lạc, vô tuyến viễn thông” tuy nhiên phía bị đơn không giải thích được giữa điều khoản loại trừ liên quan với nguyên nhân tổn thất. Nguyên đơn trình bày không được bị đơn giải thích về các điều khoản loại trừ và không được bị đơn cung cấp bản Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bị đơn đã giải thích cho nguyên đơn về các điều khoản loại trừ trách nhiệm hợp đồng và có cung cấp cho nguyên đơn Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản.

Như vậy, Bị đơn không chứng minh được việc đã cung cấp và giải thích đầy đủ các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; Kết luận giám định và trình bày của bị đơn chưa làm rõ được tổn thất gây ra có xuất phát từ “**điện**” hay “**cơ của máy móc**” nên các điều khoản loại trừ này không có hiệu lực áp dụng đối với nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn căn cứ vào các

điều khoản loại trừ để từ chối bồi thường là không có cơ sở pháp lý và không được chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P (P)

Các yêu cầu khác của đương sự không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; Điều 148; Điều 296; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 16,17,19, 21, 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều Khoản 2 Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P. Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 125/2025/KDTM - ST ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016899 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND Khu vực 2 - Hà Nội);
- Phòng THA.DS Khu vực 2 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Hạnh